

SMSS	Họ	Tên	D	D	Số	STK
TV	Lót	n	T	R	Tiền	
T			B	L	n	
			H		HB	
			T			
1	K36.1	Trần	Lin	3. 9	315	
	01.03	Khán	h	670	000	
	6	h			0	
2	K36.1	Trần	Tu	3. 9	262	
	01.11	Đặng	yền	580	500	
	3	Thanh			0	
3	K36.1	La	Hồ	Du 3. 9	262	
	01.01	Tuấn	y	5 6	500	
	8				0	
4	K36.1	Nguy	Bìn	3. 9	262	
	01.00	ễn	h	481	500	
	8	Thanh			0	
5	K36.1	Nguy	Mi	3. 8	262	
	01.04	ễn	Thịnh	469	500	
	2				0	
6	K36.1	Trần	Đô	3. 8	262	
	01.05	Vươn	ng	381	500	
	5	g	Lập		0	
7	K36.1	Nguy	My	3. 8	262	
	01.04	ễn	Thị	333	500	
	3	Huyề			0	
		n				
8	K36.1	Đặng	Vi	3. 9	262	
	01.11	Quan	nh	330	500	
	6	g			0	
9	K36.1	Nguy	Du	3. 9	262	
	01.01	ễn	Tr	yền329	500	
	9	ương			0	
		Mỹ				
1	K36.1	Đỗ	Yế	3. 8	262	
	001.12	Ngọc	n	313	500	
	2				0	
1	K36.1	Bùi	Hư	3. 8	262	
	101.02	Thị	ơn	3 3	500	
	9	Thu	g		0	
1	K36.1	Nguy	An	3. 8	262	
	201.00	ễn	Ph	h 293	500	
	2	ương			0	
1	K36.1	Trần	Ph	3. 8	262	
	301.06	Thị	ượ	291	500	
	0	Túy	ng		0	
1	K36.1	Nguy	Ng	3. 9	262	
	401.04	ễn	a	280	500	
	7	Thanh			0	
1	K36.1	Trần	An	3. 8	262	

5 01.00	Tuần h	273	500
5			0
1 K36.1	Trần Qu	3. 8	262
6 01.07	Bảo yền	261	500
2			0